

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025
cho các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-STC ngày 30/6/2025 của Giám đốc Sở Tài chính về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Tây Ninh, số tiền: 29.396.315.871 đồng để bổ sung kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

(Chi tiết theo Phụ lục dự toán đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, các đơn vị tổ chức thực hiện công khai dự toán, thực hiện chi tiêu theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
 - PGD10-KBNN KV XVI;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
 - Lưu: VT; KHTC (Dung).
- (Dung-phô tô 13 bản)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Xuân

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC

BỘ SƯNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 5490/QĐ-SNNMT ngày 30 / 6 / 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Mã Chương 412

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (Mã ĐVQHNS: 1135921)	PHÂN BỐ CÁC ĐƠN VỊ						Ghi chú
			KHỐI VẤN PHÒNG SỞ (Mã ĐVQHNS: 1135922)	CHI CỤC THỦY LỢI (Mã ĐVQHNS: 1029501)	CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THỦ Y (Mã ĐVQHNS: 1029500)	CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (Mã ĐVQHNS: 1029495)	CHI CỤC KIỂM LÂM (Mã ĐVQHNS: 1029499)	BAN QUẢN LÝ KHU RỪNG PHÒNG HỘ DẦU TIẾNG (Mã ĐVQHNS: 1030702)	
A	PHẦN THU NSNN								
B	PHẦN CHI NSNN (=B.1+B.2)	29.396.315.871	6.649.442.985	1.862.730.675	8.693.649.022	1.747.242.000	9.580.961.189	862.290.000	
B.1	NGÂN SÁCH TỈNH	29.396.315.871	6.649.442.985	1.862.730.675	8.693.649.022	1.747.242.000	9.580.961.189	862.290.000	
I	Chi Quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	28.534.025.871	6.649.442.985	1.862.730.675	8.693.649.022	1.747.242.000	9.580.961.189	-	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-							
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	28.534.025.871	6.649.442.985	1.862.730.675	8.693.649.022	1.747.242.000	9.580.961.189	-	nguồn 23
	Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	28.534.025.871	6.649.442.985	1.862.730.675	8.693.649.022	1.747.242.000	9.580.961.189	-	31 CC-HĐLĐ
I	Chi Sự nghiệp Kinh tế (Loại 280)	862.290.000	-	-	-	-	-	862.290.000	
	Sự nghiệp Lâm nghiệp (Loại 280 -Khoản 282)	862.290.000	-	-	-	-	-	862.290.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-							
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	862.290.000	-	-	-	-	-	862.290.000	nguồn 23
	Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	862.290.000						862.290.000	01VC
B.2	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	